

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

HOÀNG THỊ QUỲNH ANH

**ÁP DỤNG LUẬT CẠNH TRANH TRONG
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Chuyên ngành: **Luật Kinh tế**
Mã số: **60.38.01.07**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. ĐẶNG VŨ HUÂN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật
- Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 20....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn	6
7. Kết cấu của Luận văn.....	6
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH	
TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH.....	8
1.1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT CẠNH TRANH	8
1.1.1. Vai trò của pháp luật cạnh tranh trong nền kinh tế.....	8
1.1.2. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh	11
1.1.2.1. Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh	14
1.1.2.2. Pháp luật chống hạn chế cạnh tranh và kiểm soát độc quyền.....	15
1.2. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC	
CẠNH TRANH.....	17
1.2.1. Khái quát chung về áp dụng pháp luật.....	17
1.2.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật	17
1.2.1.2. Các đặc điểm của áp dụng pháp luật.....	18
1.2.1.3. Quy trình áp dụng pháp luật.....	19
1.2.2. Áp dụng pháp luật cạnh tranh trong giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh	
tranh.....	21
1.2.2.1. Áp dụng pháp luật cạnh tranh	21
1.2.2.2. Áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại hành vi cạnh tranh	
không lành mạnh	22
1.2.2.3. Áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại hành vi hạn chế	
cạnh tranh	25
1.2.2.4. Áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại, khởi kiện quyết	
định xử lý vụ việc cạnh tranh.....	29
Tiểu kết Chương 1.....	31
Chương 2 THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG	
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM.....	32
2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM VÀ MỘT	
SỐ NHẬN XÉT	32
2.1.1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh	32

2.1.2. Điều chỉnh pháp luật đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh	33
2.1.2.1. Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh	33
2.1.2.2. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền	34
2.1.2.3. Tập trung kinh tế	36
2.1.3. Điều chỉnh pháp luật đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh	38
2.1.3.1. Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh	38
2.1.3.2. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh	39
2.1.4. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh bị khiếu nại	45
2.1.4.1. Một số vấn đề chung	45
2.1.4.2. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh	45
2.1.4.3. Giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh chưa có hiệu lực pháp luật	47
2.1.5. Xử lý vi phạm	49
2.2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM	50
2.2.1. Áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại các vụ việc về hạn chế cạnh tranh	50
2.2.1.1. Các vụ việc đã xử lý	50
2.2.2. Áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại các vụ việc về chống cạnh tranh không lành mạnh	57
2.2.2.1. Thực trạng áp dụng pháp luật và các vụ việc đã xử lý điển hình	57
2.2.2.2. Một số nhận xét	61
2.2.3. Áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại về tố tụng cạnh tranh	62
Tiểu kết Chương 2	65
Chương 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM	67
3.1. YÊU CẦU NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	67
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT CẠNH TRANH	71
3.2.1. Sửa đổi các quy định để làm rõ hơn các hành vi hạn chế cạnh tranh ...	71
3.2.1.1. Sửa đổi các quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh	71
3.2.1.2. Sửa đổi các quy định kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, lạm dụng vị trí độc quyền thị trường	75
3.2.2. Sửa đổi quy định về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh	79

3.2.3. Sửa đổi quy định về thời hạn điều tra, trình tự, thủ tục xử lý vụ việc cạnh tranh cho phù hợp với tình hình thực tế	81
3.2.3.1. Về thời hạn điều tra, thời hạn ra quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh	81
3.2.3.2. Về khiếu nại quyết định của Hội đồng cạnh tranh.....	81
3.2.3.3. Về thủ tục khiếu nại vụ việc cạnh tranh.....	82
3.2.4. Sửa đổi các quy định về hình thức xử lý vi phạm, biện pháp xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả.....	82
3.2.4.1. Liên quan đến quy định về phạt tiền đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh.....	82
3.2.4.2. Về cơ sở để xác định mức phạt tiền cụ thể trong các vụ việc hạn chế cạnh tranh	83
3.2.4.3. Về biện pháp xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả.....	83
3.3. KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC THIẾT CHẾ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH	84
3.3.1. Tăng cường năng lực của cơ quan điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh ..	84
3.3.1.1. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh, Hội đồng cạnh tranh	84
3.3.1.2. Xây dựng đội ngũ điều tra viên vụ việc cạnh tranh	86
3.3.1.3. Tăng cường kỹ năng xét xử cho các thành viên Hội đồng cạnh tranh	87
3.3.1.4. Đào tạo kiến thức về cạnh tranh cho các thẩm phán	89
3.3.1.5. Nghiên cứu xây dựng cơ quan quản lý cạnh tranh thống nhất	89
3.3.2. Đề cao quan hệ phối hợp của các cơ quan chức năng trong điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh	91
3.3.3. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật cạnh tranh trong cộng đồng các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế	91
Tiểu kết Chương 3.....	93
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	96

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH

1.1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT CẠNH TRANH

1.1.1. Vai trò của pháp luật cạnh tranh trong nền kinh tế

Pháp luật cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường có những vai trò và chức năng cơ bản như sau:

***Thứ nhất,** tạo nền tảng cơ bản cho quá trình cạnh tranh, duy trì và thúc đẩy quá trình cạnh tranh tự do hay bảo vệ hoặc thúc đẩy cạnh tranh hiệu quả.*

***Thứ hai,** điều tiết quá trình cạnh tranh, hướng quá trình này phục vụ cho những mục tiêu đã được định sẵn, ví dụ như đạt hiệu quả kinh tế cao, bảo vệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, duy trì hệ thống doanh nghiệp tự do, duy trì sự công bằng, trung thực trong kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.*

***Thứ ba,** hạn chế các tác động tiêu cực nảy sinh do sự điều hành quá mức của nhà nước vào thị trường như kéo dài thời gian ra quyết định của doanh nghiệp và chi phí giao dịch cao.*

1.1.2. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh

1.1.2.1. Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh

Đây là chế định bao gồm các quy phạm pháp luật xác định những hành vi bị coi là cạnh tranh không lành mạnh; trách nhiệm pháp lý của các chủ thể thực hiện những hành vi này; trình tự, thủ tục khiếu kiện và giải quyết; các biện pháp chế tài được áp dụng...

1.1.2.2. Pháp luật chống hạn chế cạnh tranh và kiểm soát độc quyền

Chế định pháp luật này gồm tổng thể các quy phạm pháp luật thể hiện sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước nhằm kiểm soát, giới hạn hoặc cấm đoán tất cả các thoả thuận, liên kết dẫn đến sự hạn chế hoặc triệt tiêu sự cạnh tranh; giám sát các chủ thể đang nắm giữ vị trí có quyền lực thị trường để kìm chế, ngăn cản không cho các chủ thể này lạm dụng vị thế quyền lực thị trường hạn chế sự cạnh tranh; giới hạn và điều hoà lợi ích của các chủ thể có vị thế độc quyền thị trường (bất kể là độc quyền tự

nhiên hay độc quyền hành chính, độc quyền nhóm hay độc quyền hoàn toàn) trong một tương quan hợp lý với lợi ích chung của toàn xã hội.

1.2. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH

1.2.1. Khái quát chung về áp dụng pháp luật

1.2.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật ra các quyết định áp dụng pháp luật vào trong những trường hợp cụ thể của đời sống xã hội.

1.2.1.2. Các đặc điểm của áp dụng pháp luật

Thứ nhất, áp dụng pháp luật mang tính tổ chức, quyền lực nhà nước;

Thứ hai, áp dụng pháp luật là hoạt động được thực hiện theo thủ tục do pháp luật quy định chặt chẽ;

Thứ ba, áp dụng pháp luật là hoạt động điều chỉnh cá biệt, cụ thể đối với các quan hệ xã hội;

Thứ tư, áp dụng pháp luật là hoạt động có tính sáng tạo.

1.2.1.3. Quy trình áp dụng pháp luật

(i) Phân tích, đánh giá đúng, chính xác những tình tiết, hoàn cảnh, điều kiện của vụ việc thực tế đã xảy ra

(ii) Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp và phân tích làm sáng tỏ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật đối với trường hợp cần áp dụng

(iii) Ra văn bản áp dụng pháp luật

(iv) Tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật

1.2.2. Áp dụng pháp luật cạnh tranh trong giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh

1.2.2.1. Áp dụng pháp luật cạnh tranh

Áp dụng pháp luật cạnh tranh là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua những cơ quan nhà nước có thẩm quyền về

quản lý cạnh tranh, nhằm cá biệt hoá những quy phạm pháp luật cạnh tranh vào các trường hợp giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh cụ thể.

1.2.2.2. Áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại hành vi cạnh tranh không lành mạnh

(i) Việc khiếu nại và các hành vi bị khiếu nại

Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị khiếu nại bao gồm: Chi dẫn gây nhầm lẫn; Xâm phạm bí mật kinh doanh; Ép buộc trong kinh doanh; Gièm pha doanh nghiệp khác; Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác; Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh; Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh; Phân biệt đối xử của hiệp hội; Bán hàng đa cấp bất chính; Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác do Chính phủ quy định...

Tổ chức, cá nhân cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại do các hành vi nói trên có quyền khiếu nại đến cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh yêu cầu bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

(ii) Hồ sơ khiếu nại vụ việc cạnh tranh không lành mạnh

Tổ chức, cá nhân khiếu nại vụ việc cạnh tranh không lành mạnh phải có *đơn khiếu nại* làm theo mẫu thống nhất do cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh hướng dẫn. Cùng với đơn là *chứng cứ về hành vi vi phạm*. Trong trường hợp khiếu nại nhiều hành vi vi phạm, thì từng hành vi phải có chứng cứ riêng. Chứng cứ kèm theo phải thể hiện kể từ ngày hành vi có dấu hiệu vi phạm cạnh tranh được thực hiện đến ngày khiếu nại phải đang trong thời hạn 02 năm.

(iii) Thụ lý hồ sơ khiếu nại

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khiếu nại vụ việc cạnh tranh, cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và hợp pháp của hồ sơ.

(iv) Điều tra vụ việc cạnh tranh không lành mạnh

+ Điều tra sơ bộ: Việc điều tra sơ bộ vụ việc cạnh tranh được tiến hành theo quyết định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh.

+ Đình chỉ điều tra: Căn cứ vào kết quả điều tra sơ bộ và kiến nghị của điều tra viên, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh ra quyết định đình chỉ điều tra nếu kết quả điều tra sơ bộ cho thấy không có hành vi vi phạm.

+ Điều tra chính thức: Căn cứ vào kết quả điều tra sơ bộ và kiến nghị của điều tra viên, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh ra quyết định điều tra chính thức nếu kết quả điều tra sơ bộ cho thấy có dấu hiệu vi phạm. Thời hạn điều tra chính thức là 90 ngày, kể từ ngày có quyết định; trường hợp cần thiết, thời hạn này có thể được Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh gia hạn, nhưng không quá 60 ngày...

(v) Xử lý, xử phạt hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh có thẩm quyền xử lý, xử phạt hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ký nêu trong thời hạn đó không bị khiếu nại.

(vi) Thủ tục yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính

Bên khiếu nại có quyền kiến nghị đến Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính.

1.2.2.3. Áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại hành vi hạn chế cạnh tranh

(i) Việc khiếu nại và các hành vi bị khiếu nại

Theo Luật Cạnh tranh, hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi của doanh nghiệp làm giảm, sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường, bao gồm hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền và tập trung kinh tế.

Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh, thì trình tự áp dụng pháp luật cạnh tranh để điều tra, xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh được tiến hành như sau:

(ii) Điều tra vụ việc hạn chế cạnh tranh

Một vụ việc hạn chế cạnh tranh bị khiếu nại được bắt đầu bằng thủ tục điều tra sơ bộ. Điều tra sơ bộ là một thủ tục được tiến hành bởi quyết định của Thủ trưởng cơ quan quản lý cạnh tranh và điều tra viên sẽ được phân công đảm nhiệm.

(iii) Xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

Sau khi kết thúc thủ tục điều tra, nếu có các căn cứ vi phạm pháp luật cạnh tranh, vụ việc hạn chế cạnh tranh sẽ được chuyển sang giai đoạn xem xét giải quyết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ra một trong các quyết định sau đây:

a. Mở phiên điều trần

b. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung

c. Đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh

1.2.2.4. Áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại, khởi kiện quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

Tương tự như bản án và quyết định trong tố tụng tư pháp, các quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và của Thủ trưởng cơ quan quản lý cạnh tranh đều có thể bị xem xét lại thông qua thủ tục khiếu nại hành chính với thời hiệu là 30 ngày kể từ khi ban hành. Trường hợp không nhất trí với quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, các bên liên quan có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với một phần hoặc toàn bộ nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại ra Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền.

Tiểu kết Chương 1

Pháp luật cạnh tranh giữ một vai trò quan trọng đối với nền kinh tế thị trường. Dưới sự điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh, các doanh nghiệp sẽ có một sân chơi bình đẳng, lành mạnh để có thể cung cấp các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Áp dụng pháp luật cạnh tranh trong giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh bao gồm: Áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại hành vi cạnh tranh không lành mạnh; áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại hành vi hạn chế cạnh tranh và áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ khiếu nại, khởi kiện quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

Chương 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NHẬN XÉT

2.1.1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh

Phạm vi điều chỉnh được quy định là các hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh, trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh, biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh. Luật này được áp dụng với các đối tượng là “tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc độc quyền nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động ở Việt Nam; hiệp hội ngành nghề hoạt động ở Việt Nam”.

2.1.2. Điều chỉnh pháp luật đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh

Theo các quy định của Luật Cạnh tranh, hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi của doanh nghiệp làm giảm, sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường, bao gồm: (i) Hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh; (ii) Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền và (iii) Tập trung kinh tế.

2.1.2.1. Thoả thuận hạn chế cạnh tranh

Thoả thuận hạn chế cạnh tranh là thoả thuận giữa các doanh nghiệp, doanh nghiệp với hiệp hội ngành nghề, các hiệp hội ngành nghề, trong hiệp hội ngành nghề, bằng lời nói, văn bản và các hình thức khác, có khả năng làm giảm, ngăn cản, kìm hãm, sai lệch cạnh tranh trên thị trường.

2.1.2.2. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền

a. Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường

Theo Điều 11 Luật Cạnh tranh năm 2004, doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh nếu có thị phần lớn hơn hoặc bằng 30% trên thị trường có liên quan hoặc

có khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể. Các hành vi bị coi là lạm dụng vị trí thống lĩnh bị cấm được quy định tại Điều 13 Luật Cạnh tranh.

b. Lạm dụng vị trí độc quyền

Doanh nghiệp được coi là có vị trí độc quyền nếu không có doanh nghiệp nào cạnh tranh về hàng hoá, dịch vụ mà doanh nghiệp độc quyền kinh doanh trên thị trường liên quan. Các hành vi lạm dụng vị trí độc quyền bị cấm bao gồm: Các hành vi quy định tại Điều 13 nói trên; Áp đặt các điều kiện bất lợi cho khách hàng; Lợi dụng vị trí độc quyền để đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng giao kết mà không có lý do thoả đáng. Tuy nhiên, cách định nghĩa về các hành vi hạn chế cạnh tranh nói chung, nhóm hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh nói riêng, mới chỉ dừng lại ở việc liệt kê một cách chung nhất các dạng hành vi mà chưa xác định được bản chất của các hành vi đó. Điều này khiến cho Luật Cạnh tranh không thể bao quát hết được các hành vi phản cạnh tranh vốn rất đa dạng trên thực tế, gây khó khăn cho cơ quan cạnh tranh trong quá trình thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, việc phân biệt nhóm hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh và vị trí độc quyền chưa phù hợp với thực tế.

2.1.2.3. Tập trung kinh tế

Điều 18 Luật Cạnh tranh quy định các trường hợp tập trung kinh tế bị cấm. Các quy định trên đây về cơ bản được xây dựng theo đúng truyền thống của pháp luật cạnh tranh hiện đại. Tuy nhiên, vì ra đời trong bối cảnh một nền kinh tế chuyển đổi, nên môi trường pháp lý về tập trung kinh tế vẫn còn một số điểm khiếm khuyết cần được bổ sung, hoàn thiện.

2.1.3. Điều chỉnh pháp luật đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

2.1.3.1. Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng.

2.1.3.2. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Những hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại Luật Cạnh tranh năm 2004 của Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm:

a. Chỉ dẫn gây nhầm lẫn

Điều 40 Luật Cạnh tranh năm 2004.

b. Xâm phạm bí mật kinh doanh

Theo Luật Cạnh tranh (khoản 3 Điều 10).

c. Ép buộc trong kinh doanh

Luật Cạnh tranh (Điều 42).

d. Gièm pha doanh nghiệp khác

Theo Luật Cạnh tranh (Điều 43).

đ. Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác

Theo Luật Cạnh tranh (Điều 44).

e. Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh

Theo Luật Cạnh tranh (Điều 45).

g. Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh

Theo Luật Cạnh tranh (Điều 46).

h. Phân biệt đối xử của hiệp hội

Theo Luật Cạnh tranh (Điều 47).

i. Bán hàng đa cấp bất chính

Theo Luật Cạnh tranh (Điều 48).

k. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác

Ngoài 09 hành vi cạnh tranh không lành mạnh cụ thể, khoản 10 Điều 39 Luật Cạnh tranh năm 2004 còn trao quyền cho Chính phủ quy định bổ sung các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác theo tiêu chí tại khoản 4 Điều 3 Luật Cạnh tranh. Điều này là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn đa dạng và phong phú của hoạt động cạnh tranh trên thị trường.

2.1.4. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh bị khiếu nại

Việc điều tra vụ việc cạnh tranh được quy định cụ thể theo 2 bước:

+ *Điều tra sơ bộ*

+ *Điều tra chính thức*

2.1.4.3. Giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh chưa có hiệu lực pháp luật

Trình tự khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh chưa có hiệu lực pháp luật được quy định tại Mục 7 Luật Cạnh tranh năm 2004 và Nghị định số 120/2005/NĐ-CP.

2.1.5. Xử lý vi phạm

Tại Việt Nam, các tổ chức, cá nhân kinh doanh (doanh nghiệp) vi phạm các quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm sẽ bị xử lý theo các hình thức được quy định tại Điều 117, Điều 118 Luật Cạnh tranh và được quy định chi tiết tại Điều 10 đến Điều 17 Nghị định 120/2005/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh, bao gồm: Phạt tiền; Phạt bổ sung; Biện pháp khắc phục hậu quả.

2.2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

2.2.1. Áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại các vụ việc về hạn chế cạnh tranh

2.2.1.1. Các vụ việc đã xử lý

Từ năm 2006 đến nay, Cục Quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công thương đã điều tra 06 vụ việc liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh, cụ thể như sau:

- *Liên quan đến hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường:*

- Vụ việc liên quan đến khiếu nại của Công ty Thương mại Dịch vụ Tân Hiệp Phát (THP) khiếu nại Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Việt Nam (VBL) lạm dụng vị trí thống lĩnh trên thị trường bia cao cấp để ngăn cản việc tham gia thị trường của đối thủ cạnh tranh mới;

- Vụ việc liên quan đến khiếu nại của một số doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực điện ảnh khiếu nại Công ty Cổ phần Truyền thông Megastar đã lạm dụng vị trí thống lĩnh trên thị trường phân phối phim nhựa nhập khẩu. Tháng 5 năm 2010, Cục Quản lý cạnh tranh đã thụ lý hồ sơ vụ việc. Hiện nay, vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra để xác minh, làm rõ.

- *Liên quan đến hành vi lạm dụng vị trí độc quyền thị trường:*

- Vụ việc Công ty Xăng dầu Hàng không Vinapco có hành vi áp đặt các điều kiện bất lợi cho khách hàng và lạm dụng vị trí độc quyền để đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng đã giao kết mà không có lý do chính đáng.

- *Liên quan đến hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh:*

- Vụ việc liên quan đến hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của 19 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường bảo hiểm vật chất xe ô tô;
- Vụ việc liên quan đến hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trên thị trường tấm lợp tại miền Bắc và miền Trung;
- Vụ việc liên quan đến hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm học sinh tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Tuy số lượng các vụ việc hạn chế cạnh tranh còn ít, nhưng các Hội đồng xử lý vụ việc cũng như các nhà tư vấn, các học giả đã chỉ ra rất nhiều sự tiến bộ, ưu điểm và nhược điểm của các quy định liên quan đến quy trình trong các vụ việc hạn chế cạnh tranh.

2.2.1.2. Những khó khăn, bất cập trong áp dụng pháp luật cạnh tranh

a. Về mức phạt: Đối với vụ việc của Vinapco, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh đã ra quyết định xử phạt 0,05%. Đối với 02 hành vi vi phạm và đối với 19 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh đã ra quyết định xử phạt với mức 0,025% đối với 01 hành vi vi phạm của mỗi doanh nghiệp. Nhiều ý kiến cho rằng, mức phạt như vậy là quá thấp, nhưng những ý kiến này cũng không có cơ sở vì pháp luật về cạnh tranh của Việt Nam quy định khung phạt rộng và các nguyên tắc xử phạt mà không quy định cụ thể mức phạt.

b. Về mức phí xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh:

Cần sớm nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2005/NĐ-CP để quy định chi tiết cách phân chia phí xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh trong trường hợp có từ 02 doanh nghiệp trở lên phải chịu phí xử lý.

c. Về nơi nộp tiền phạt:

Hiện nay, trong các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh chỉ ghi là nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước, không ghi rõ số tài khoản, địa chỉ tài khoản... nên các doanh nghiệp thắc mắc không biết nộp tiền phạt vào đâu và Hội đồng cạnh tranh phải làm công văn gửi đến doanh nghiệp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng cạnh tranh ghi rõ số tài khoản, địa chỉ tài khoản... tại Kho Bạc Nhà nước trong các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

d. Về thời hạn thi hành quyết định xử phạt, hồ sơ có dấu hiệu vi phạm hình sự

Luật Cạnh tranh năm 2004 đã dành một điều (Điều 121) để quy định việc thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. Khác với một số nước Châu Âu và Mỹ, pháp luật cạnh tranh không xử lý hình sự các hành vi hạn chế cạnh tranh, mà chỉ chuyển hồ sơ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

2.2.2. Áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại các vụ việc về chống cạnh tranh không lành mạnh

2.2.2.1. Thực trạng áp dụng pháp luật và các vụ việc đã xử lý điển hình

Khiếu nại đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh là quyền của các bên liên quan theo quy định của Luật Cạnh tranh năm 2004. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với các quy định pháp luật khác về xử lý vi phạm hành chính cũng như giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong giai đoạn từ năm 2006 đến hết năm 2011, Cục Quản lý cạnh tranh đã điều tra theo thủ tục tố tụng cạnh tranh tổng số 94 vụ việc, trong đó, quảng cáo nhằm cạnh tranh chiếm số lượng lớn với 58 vụ việc, 20 vụ việc liên quan đến hành vi bán hàng đa cấp bất chính, 8 vụ việc liên quan đến hành vi gièm pha nói xấu doanh nghiệp khác, 4 vụ việc liên quan đến hành vi khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh, 3 vụ việc liên quan đến hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn, 01 vụ việc liên quan đến hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác. Trong 94 vụ việc trên, Cục Quản lý cạnh tranh đã ra quyết định xử lý 83 vụ việc với tổng số tiền phạt 4 tỷ 256 triệu đồng. Sau đây là một số vụ việc cụ thể:

a. Khiếu nại của Công ty Cổ phần Thu Hiền (gọi tắt là Công ty Thu Hiền)

b. Khiếu nại của Công ty Mực in Việt (Vmax)

c. Khiếu nại của Công ty Minh Lý

d. Khiếu nại của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan

2.2.2.2. Một số nhận xét

Qua quá trình xử lý đơn khiếu nại trong bốn (04) vụ việc nêu trên, có thể nhận thấy một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, cả 04 vụ việc cạnh tranh nêu trên đều đã được Cục Quản lý cạnh tranh tiến hành điều tra và xử lý tuân thủ theo quy định của pháp luật cạnh tranh.

Thứ hai, bản thân các doanh nghiệp bị điều tra đã có ý thức tìm hiểu quy định của Luật Cạnh tranh.

Thứ ba, căn cứ quy định của pháp luật cạnh tranh, không phải đơn khiếu nại nào cũng được thụ lý.

Thứ tư, đơn khiếu nại trong cả 04 vụ việc nêu trên đều đã được Cục Quản lý cạnh tranh xử lý theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Cạnh tranh.

2.2.3. Áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại về tổ tụng cạnh tranh

a. Vụ án khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh tại Tòa án nhân dân TP. Hà Nội

b. Vụ án khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh tại Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh

c. Một số nhận xét

Có thể nhận thấy, ở đây, việc khiếu kiện các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh cũng còn đang chứa đựng nhiều vấn đề cần nghiên cứu và trao đổi thêm.

Luật Cạnh tranh Việt Nam quy định việc xem lại quyết định của Hội đồng cạnh tranh là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vấn đề này rất cần Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn cụ thể để có thể hạn chế phạm vi các Tòa án cấp tỉnh có thể có thẩm quyền này.

Tiểu kết Chương 2

Trong gần 10 năm qua, kể từ khi Luật Cạnh tranh năm 2004 đi vào cuộc sống, quá trình thực thi pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam đã có nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập. Tình trạng vi phạm pháp luật cạnh tranh vẫn thường xuyên xảy ra, nhưng các vụ bị tố cáo, khiếu nại vẫn còn quá nhỏ so với thực trạng vi phạm.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

3.1. YÊU CẦU NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Kinh nghiệm quá trình xây dựng và thực thi pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam cho thấy, sự hiểu biết của cộng đồng doanh nghiệp nói chung về cạnh tranh còn hạn chế. Bên cạnh đó, vẫn còn những bất cập trong việc hiện tại có sự giao thoa, chồng chéo trong việc phân định thẩm quyền của cơ quan thụ lý xét xử và thủ tục xét xử. Trong đó, xu hướng đưa các vấn đề về cạnh tranh vào các Luật chuyên ngành như Luật về các lĩnh vực viễn thông, điện lực, ngân hàng, chứng khoán... đang thể hiện rõ nét. Vấn đề này cần được nghiên cứu, xử lý để tránh gây khó khăn cho các cơ quan quản lý, đồng thời tránh gây lãng phí nguồn lực xã hội.

Đối với các cơ quan quản lý, giải quyết và xử lý vụ việc cạnh tranh, thì hiện nay, Cục Quản lý cạnh tranh được quy định “ôm đồm” quá nhiều chức năng, từ điều tra xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, điều tra các hành vi hạn chế cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng đến quản lý nhà nước về chống bán phá giá, chống trợ cấp và áp dụng các biện pháp tự vệ trong thương mại quốc tế.

Một vấn đề khác có liên quan đến hiệu quả giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh, đó là sự phân định thẩm quyền giữa Cục Quản lý cạnh tranh và Hội đồng cạnh tranh. Vấn đề này có nhiều điểm chưa thực sự hợp lý.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT CẠNH TRANH

3.2.1. Sửa đổi các quy định để làm rõ hơn các hành vi hạn chế cạnh tranh

3.2.1.1. Sửa đổi các quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

a. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

+ Cần bổ sung một quy định chung về hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh nhằm bao quát hết các dạng hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh.

+ Cần nhắc bổ sung quy định điều chỉnh hành vi của Hiệp hội các doanh nghiệp trong các vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh.

b. Liên quan đến các quy định cấm

+ Xem xét điều chỉnh các hành vi thuộc nhóm bị cấm tuyệt đối và cấm tùy theo từng trường hợp cụ thể.

+ Xem xét sửa đổi cách tiếp cận đánh giá thỏa thuận hạn chế cạnh tranh dựa theo tiêu chí duy nhất là thị phần như hiện nay.

c. Liên quan đến các quy định miễn trừ

Như đã trình bày ở trên, đối với các thỏa thuận thuộc nhóm nghiêm trọng bao gồm 4 hành vi: (i) Thỏa thuận ấn định giá; (ii) Thỏa thuận phân chia thị trường; (iii) Thỏa thuận hạn chế sản lượng; và (iv) thông đồng đấu thầu. Pháp luật cạnh tranh Việt Nam cần cân nhắc sửa đổi quy định hiện tại theo hướng cấm trong mọi trường hợp và không áp dụng miễn trừ đối với nhóm hành vi này.

Đối với các thỏa thuận khác, chúng ta cần nghiên cứu áp dụng nguyên tắc hợp lý, theo đó cơ quan cạnh tranh sẽ xem xét trên cơ sở đánh giá yếu “chi phí” và “lợi ích” của thỏa thuận.

d. Liên quan đến các quy định về hình thức và mức độ xử lý vi phạm

Ngoài những đề xuất liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung các quy định về hình thức và mức độ xử lý vi phạm đối với hành vi phản cạnh tranh nói chung, trong đó có hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh như đã đề cập trong mục “Các quy định chung”, trên cơ sở bất cập đặc thù liên quan đến thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, cần bổ sung thêm quy định về hình thức xử lý vi phạm đối với các hiệp hội ngành nghề.

3.2.1.2. Sửa đổi các quy định kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, lạm dụng vị trí độc quyền thị trường

a. Liên quan đến quy định về xác định vị trí thống lĩnh/vị trí độc quyền

Cần nghiên cứu đề thay đổi cách thức đánh giá vị trí thống lĩnh/sức mạnh thị trường dựa chủ yếu vào tiêu chí thị phần thông qua các ngưỡng thị phần cố định như hiện nay. Ngoài ra, khi đánh giá vị trí/sức mạnh thị trường của doanh nghiệp, cơ quan cạnh tranh cần đánh giá trong xu hướng vận động, phát triển của thị trường, bối cảnh kinh tế... thay vì chỉ xem xét trong trạng thái tĩnh như hiện nay.

b. Xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá hành vi lạm dụng

Cần phải xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh/ vị trí độc quyền, đồng thời phải có quy định bao quát các hành vi lạm dụng có tác động hạn chế cạnh tranh có thể xảy ra. Bên cạnh việc liệt kê một số hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh biết được theo các tiêu chí hợp lý, Luật Cạnh tranh cần có điều khoản quát để bao quát hành vi có bản chất chất trực lợi hay đóng cửa thị trường của doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh.

c. Liên quan đến quy định cấm và biện pháp xử lý vi phạm

Liên quan đến quy định cấm, việc tiếp cận của Luật Cạnh tranh hiện tại cần nghiên cứu để điều chỉnh là bộ tiêu chí xác định hành vi lạm dụng sức mạnh thị trường.

3.2.1.3. Sửa đổi các quy định về tập trung kinh tế

a. Về phạm vi và các hình thức tập trung kinh tế phải kiểm soát

Cần mở rộng về hình thức và hành vi giao dịch tập trung kinh tế cần phải điều chỉnh. Bên cạnh đó, cần xem xét mở rộng việc điều chỉnh cả về hình thức và hành vi của giao dịch tập trung kinh tế. Cần xem xét kiểm soát cả các giao dịch tập trung kinh tế được thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có tác động gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường Việt Nam.

b. Khuyến nghị bổ sung ngưỡng thông báo tập trung kinh tế

Luật Cạnh tranh năm 2004 kiểm soát vụ việc tập trung kinh tế thông qua tiêu chí thị phần. Bên cạnh tiêu chí thị phần, cần bổ sung thêm các yếu tố để nhận biết khác như doanh thu trong năm tài chính, giá trị giao dịch tập trung kinh tế... để xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế.

c. Về đánh giá tác động cạnh tranh của vụ việc tập trung kinh tế

Cần thay đổi cách thức đánh giá vụ việc tập trung kinh tế để hướng mục tiêu của việc đánh giá vụ việc tập trung kinh tế là nhằm xác định và ngăn ngừa tác động hạn chế cạnh tranh của vụ việc tập trung kinh tế hoặc đưa ra các biện pháp khắc phục để vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế hoặc quyền lợi người tiêu dùng, vừa hạn chế các tác động phản cạnh tranh của vụ việc.

3.2.2. Sửa đổi quy định về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Thứ nhất, cần xem lại các quy định về hành vi bán hàng đa cấp bất chính

Thứ hai, cần sửa đổi và làm rõ thêm một số quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Thứ ba, phải xác định rõ rằng mối quan hệ giữa Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật quản lý nhà nước các lĩnh vực kinh tế cụ thể là quan hệ pháp luật chung và pháp luật chuyên ngành.

Thứ tư, cần thống nhất về việc xử lý vi phạm đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định trong Luật Cạnh tranh và trong các văn bản pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực pháp luật cụ thể.

3.2.3. Sửa đổi quy định về thời hạn điều tra, trình tự, thủ tục xử lý vụ việc cạnh tranh cho phù hợp với tình hình thực tế

3.2.3.1. Về thời hạn điều tra, thời hạn ra quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

Như đã phân tích, mặt trái của việc quy định thời hạn đó là không có nhiều thời gian để điều tra viên và thành viên Hội đồng cạnh tranh phân tích vụ việc một cách chính xác, toàn diện. Vì vậy, Việt Nam cần học tập theo các quốc gia có kinh nghiệm thực thi pháp luật cạnh tranh như Nhật Bản, Mỹ hay Châu Âu, theo đó thời hạn điều tra của các vụ việc cạnh tranh, đặc biệt là liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh thường không quy định hay ràng buộc.

3.2.3.2. Về khiếu nại quyết định của Hội đồng cạnh tranh

Việc giải quyết khiếu nại cho các doanh nghiệp về quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh cần có quy định tập trung các đầu mối giải quyết khiếu kiện các vụ án hành chính tại các trung tâm đầu não về kinh tế, chính trị đặt tại các địa phương một cách hợp lý, vừa phục vụ việc thụ lý vụ án phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự, tại Tòa án có đủ nguồn lực giải quyết vụ án, tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh thuận lợi trong việc theo kiện cũng như làm giảm tình trạng khiếu kiện tràn lan có thể xảy ra trong tương lai.

3.2.3.3. Về thủ tục khiếu nại vụ việc cạnh tranh

Đối với cá nhân, tổ chức thực hiện quyền khiếu nại đối với hành vi vi phạm

pháp luật cạnh tranh cần phải có sự điều chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho bên khiếu nại tố cáo, thông báo hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật tới cơ quan cạnh tranh.

3.2.4. Sửa đổi các quy định về hình thức xử lý vi phạm, biện pháp xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả

3.2.4.1. Liên quan đến quy định về phạt tiền đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh

Việt Nam cần tham khảo kinh nghiệm của các nước như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU... theo đó xác định mức phạt dựa theo doanh thu của doanh nghiệp trên thị trường liên quan hoặc trên thị trường bị ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm pháp luật.

3.2.4.2. Về cơ sở để xác định mức phạt tiền cụ thể trong các vụ việc hạn chế cạnh tranh

Việt Nam cần xem xét quy định cụ thể nguyên tắc xác định mức xử phạt, cách thức áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... trong tính toán mức phạt. Ngoài ra, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, Việt Nam cần nghiên cứu bổ sung mức phạt tiền tối thiểu đối với các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về hạn chế cạnh tranh, đồng thời bổ sung các chế tài đối với các Hiệp hội ngành hàng trong các vụ việc, đặc biệt là các vụ việc liên quan đến hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh.

3.2.4.3. Về biện pháp xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả

Việt Nam cần nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các biện pháp theo hướng tăng cường phổ biến, giáo dục nhận thức cho hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp về pháp luật cạnh tranh, khôi phục lại các điều kiện cạnh tranh công bằng, thực hiện các cam kết không vi phạm pháp luật cạnh tranh trong tương lai...

3.3. KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC THIẾT CHẾ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỤ VIỆC CẠNH TRANH

3.3.1. Tăng cường năng lực của cơ quan điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh

3.3.1.1. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh, Hội đồng cạnh tranh

Hiện nay, hệ thống cơ quan quản lý và giải quyết khiếu nại về vụ việc cạnh tranh của Việt Nam (bao gồm Hội đồng cạnh tranh và Cục Quản lý cạnh tranh) sẽ

cần phải hoàn thiện hơn nữa để đáp ứng được yêu cầu và kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội.

3.3.1.2. Xây dựng đội ngũ điều tra viên vụ việc cạnh tranh

Vấn đề cạnh tranh là vấn đề rất phức tạp, đòi hỏi các điều tra viên khi tiến hành tố tụng phải có kiến thức chuyên sâu không chỉ về pháp lý mà còn bao gồm cả những kiến thức về kinh tế. Vì vậy, để xây dựng đội ngũ điều tra viên, Cục Quản lý cạnh tranh phải có một chiến lược hợp lý.

3.3.1.3. Tăng cường kỹ năng xét xử cho các thành viên Hội đồng cạnh tranh

Trong thời gian tới, Hội đồng cạnh tranh cần một mặt, tăng cường hợp tác quốc tế để học tập kinh nghiệm, kỹ năng xử lý các hành vi vi phạm cạnh tranh của các cơ quan cạnh tranh nước ngoài, mặt khác, Hội đồng cạnh tranh cũng cần phối hợp với các cơ quan trong nước như Toà án nhân dân tối cao để tổ chức các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn về kỹ năng thẩm phán cho các thành viên của Hội đồng.

3.3.1.4. Đào tạo kiến thức về cạnh tranh cho các thẩm phán

Để đảm bảo công bằng và hiệu quả trong toàn bộ quá trình xử lý vụ việc cạnh tranh, trong thời gian tới, chúng ta cần tổ chức bồi dưỡng kiến thức về cạnh tranh, pháp luật cạnh tranh và các kiến thức khác có liên quan cho các thẩm phán làm việc tại các Toà án nói trên.

3.3.1.5. Nghiên cứu xây dựng cơ quan quản lý cạnh tranh thống nhất

Căn cứ theo các quy định về chức năng, nhiệm vụ của Cục Quản lý cạnh tranh và Hội đồng cạnh tranh kết hợp tham khảo kinh nghiệm quốc tế, Chính phủ cần thành lập một cơ quan cạnh tranh thống nhất trực thuộc Chính phủ trên cơ sở nhập Cục Quản lý cạnh tranh và Hội đồng cạnh tranh.

3.3.2. Đề cao quan hệ phối hợp của các cơ quan chức năng trong điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh

Việc thực thi pháp luật cạnh tranh cần có sự tham gia tích cực của các cơ quan quản lý nhà nước. Trên cơ sở đó, cần tăng cường sự phối hợp của các cơ quan chức năng trong điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh một cách đồng bộ và hiệu quả.

3.3.3. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật cạnh tranh trong cộng đồng các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế

Việc tuyên truyền, phổ biến các nội dung và định hướng cơ bản của pháp luật cạnh tranh sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao chuẩn mực và chất lượng hoạt động của mình. Cần tổ chức và mở rộng nhiều mô hình đào tạo, hội thảo, tọa đàm cùng các phương thức tuyên truyền phổ biến khác để giúp doanh nghiệp nhận thức được đầy đủ và tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu cạnh tranh lành mạnh không chỉ trong nước mà còn tại các thị trường thành viên của WTO, do nguy cơ các vụ kiện thương mại quốc tế ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, cần xây dựng các cơ chế tăng cường liên kết, phối hợp giữa các doanh nghiệp với nhau, giữa các doanh nghiệp với hiệp hội ngành hàng và cơ quan quản lý nhà nước.

Tiểu kết Chương 3

Chính sách và pháp luật về cạnh tranh là nền tảng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và đông đảo người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Chính vì vậy, yêu cầu nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật cạnh tranh trong giải quyết vụ việc cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay đang được đặt ra một cách cấp thiết.

Nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh, chúng ta cần có giải pháp đồng bộ trong việc hoàn thiện pháp luật và các thiết chế có liên quan nhằm đảm bảo tính đồng bộ của các thiết chế pháp luật trong lĩnh vực này.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu đề tài “Áp dụng pháp luật cạnh tranh trong giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh – Thực trạng và giải pháp”, cho phép rút ra một số kết luận sau đây:

1. Pháp luật cạnh tranh giữ một vai trò quan trọng đối với nền kinh tế thị trường. Dưới sự điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh, các doanh nghiệp sẽ có một sân chơi bình đẳng, lành mạnh để có thể cung cấp các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Sau gần 10 năm thực thi, Luật Cạnh tranh đã bước đầu phát huy vai trò tích cực trong việc giữ cho môi trường cạnh tranh lành mạnh, xử lý những hành vi làm sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường. Mặc dù số lượng vụ việc cạnh tranh được điều tra, xử lý là chưa nhiều nhưng đó chính là sự khởi đầu cho thấy Luật cạnh tranh đã chính thức đi vào cuộc sống và gắn liền với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập.

3. Nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh, chúng ta cần có giải pháp đồng bộ trong việc hoàn thiện pháp luật và các thiết chế có liên quan nhằm đảm bảo tính đồng bộ của các thiết chế pháp luật trong lĩnh vực này.